

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số 01a - CTQ)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số 02a - CTQ)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số 03a - CTQ)	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B 05a – CTQ)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số 09a - CTQ)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động	Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007 Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008 Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008 Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 Số 09/UBCK-GP ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Phương Chủ tịch Ông Cung Trần Việt Thành viên Ông Nguyễn Hoàng Bảo Thành viên Ông Phạm Gia Tuấn Thành viên Ông Nguyễn Khánh Linh Thành viên (từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2014)
Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Gia Tuấn (bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2014) Ông Nguyễn Khánh Linh (từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2014)
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
Trụ sở chính	Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim 9-11 Tôn Đức Thắng, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 4 đến trang 36. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2014



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2014 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 11 tháng 8 năm 2014. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên cùng các thuyết minh cho các báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 4 đến 36. Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Căn cứ vào kết quả công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây của Công ty là không được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Ian S. Lydal

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0559-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Nam

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2013-006-1

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM4303

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B01a - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		143.064.532.393	146.805.799.160
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		8.745.448.805	75.082.939.400
111	Tiền	5.1	1.745.448.805	3.082.939.400
112	Các khoản tương đương tiền	5.2	7.000.000.000	72.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		72.449.239.170	24.499.491.230
121	Đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(i)	78.012.276.371	29.073.719.580
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(ii)	(5.563.037.201)	(4.574.228.350)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		60.931.325.968	46.828.644.020
131	Phải thu khách hàng	5.4	56.329.742.168	37.806.297.610
132	Trả trước cho người bán		-	440.000.000
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.5	489.079.676	8.126.563.975
135	Các khoản phải thu khác	5.6	4.112.504.124	455.782.435
150	Tài sản ngắn hạn khác		938.518.450	394.724.510
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7	254.469.588	394.724.510
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	5.10	684.048.862	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		15.865.972.268	35.708.618.530
220	Tài sản cố định		1.936.634.288	313.889.730
221	Tài sản cố định hữu hình	5.8(a)	1.712.300.347	45.054.120
222	Nguyên giá		3.333.168.491	1.588.298.210
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.620.868.144)	(1.543.244.090)
227	Tài sản cố định vô hình	5.8(b)	224.333.941	268.835.610
228	Nguyên giá		768.209.540	768.209.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(543.875.599)	(499.373.930)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		13.478.581.640	34.216.524.480
258	Đầu tư dài hạn khác	5.3(b)(i)	13.744.480.000	34.412.500.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	5.3(b)(ii)	(265.898.360)	(195.975.520)
260	Tài sản dài hạn khác		450.756.340	1.178.204.320
261	Chi phí trả trước dài hạn		27.657.640	205.681.360
268	Tài sản dài hạn khác	5.9	423.098.700	972.522.960
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		158.930.504.661	182.514.417.690

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B01a - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.757.750.476	6.425.840.032
310	Nợ ngắn hạn		2.356.811.048	5.910.072.892
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.10	129.799.862	3.059.764.462
315	Phải trả người lao động		1.348.808.299	1.971.753.180
316	Chi phí phải trả	5.11	373.726.259	374.081.050
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		16.770.928	16.768.500
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	Nợ dài hạn		400.939.428	515.767.140
333	Phải trả dài hạn khác	5.12	90.939.428	205.767.140
359	Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	5.13	310.000.000	310.000.000
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		156.172.754.185	176.088.577.658
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		156.172.754.185	176.088.577.658
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.14	130.000.000.000	150.000.000.000
412	(Chiết khấu)/Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	1.391.500.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.781.254.185	24.697.077.658
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		158.930.504.661	182.514.417.690

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B01a - CTQ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 30.6.2014	Tại ngày 31.12.2013
5	Ngoại tệ các loại		
5.1	Bảng Anh	200	290
5.2	Won Hàn Quốc	492.100	492.100
		<u> </u>	<u> </u>
		Tại ngày 30.6.2014	Tại ngày 31.12.2013
		VNĐ	VNĐ
6	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		
6.1	Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá	10.028.600.000	3.600.010.000
		<u> </u>	<u> </u>
7	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ theo mệnh giá	64.788.194.000	38.471.000.000
		<u> </u>	<u> </u>

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B02a - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ	
01	Doanh thu	5.15	1.710.508.966	5.422.424.890
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		1.710.508.966	5.422.424.890
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.16	(3.384.678.102)	(4.181.843.430)
20	(Lỗ)/Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(1.674.169.136)	1.240.581.460
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.17	12.417.797.972	7.931.749.470
22	Chi phí tài chính	5.18	(1.693.196.671)	(807.818.190)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.19	(5.287.155.912)	(3.312.612.826)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.763.276.253	5.051.899.914
31	Thu nhập khác		483.796.260	94.141.700
32	Chi phí khác		-	-
40	Lợi nhuận khác		483.796.260	94.141.700
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.247.072.513	5.146.041.614
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.20	(162.895.986)	(1.026.103.720)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.084.176.527	4.119.937.894
70	Lãi trên cổ phiếu		290	275



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B03a - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	9.347.993.265	6.398.318.220
2 Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(1.743.091.007)	(2.148.469.296)
3 Tiền chi trả cho người lao động	(7.111.638.314)	(4.279.615.479)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.472.331.000)	(1.092.812.840)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.033.222.948	94.141.700
7 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.222.106.916)	(5.780.669.511)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.167.951.024)	(6.809.107.206)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(1.223.918.994)	(37.750.000)
25 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(113.303.162.982)	(80.734.710.700)
26 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	73.723.160.673	55.227.395.556
27 Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.634.381.732	4.308.346.940
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(36.169.539.571)	(21.236.718.204)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
32 Tiền mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	(24.000.000.000)	-
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(24.000.000.000)	-
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(66.337.490.595)	(28.045.825.410)
60 Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	75.082.939.400	73.717.217.250
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	(986.680)
70 Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	8.745.448.805	45.670.405.160

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B05a - CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Lợi nhuận trong kỳ VNĐ	Cổ tức chia trong kỳ VNĐ	Cổ phiếu mua lại trong kỳ VNĐ	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	-	-	(20.000.000.000)	130.000.000.000
2	Thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần	1.391.500.000	-	-	(4.000.000.000)	(2.608.500.000)
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.697.077.658	4.084.176.527	-	-	28.781.254.185
		<u>176.088.577.658</u>	<u>4.084.176.527</u>	<u>-</u>	<u>(24.000.000.000)</u>	<u>156.172.754.185</u>
		Tại ngày 1.1.2013 VNĐ	Lợi nhuận trong kỳ VNĐ	Cổ tức chia trong kỳ VNĐ	Cổ phiếu mua lại trong kỳ VNĐ	Tại ngày 30.6.2013 VNĐ
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	-	-	-	150.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.391.500.000	-	-	-	1.391.500.000
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.503.593.786	4.119.937.894	-	-	7.623.531.680
		<u>154.895.093.786</u>	<u>4.119.937.894</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>159.015.031.680</u>



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng




Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006, giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Trong kỳ, Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt và Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt.

	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y Tế Bản Việt	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bằng Bản Việt
Hoạt động chính	Quỹ thành viên dạng đóng	Quỹ mở
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 08/TB-UBCK	Số 11/GCN-UBCK
Vốn góp của các thành viên	287.984.000.000 đồng	54.314.089.552 đồng
Giá trị tài sản ròng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	369.799.170.461 đồng	55.152.960.340 đồng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 17 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 18 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 5 người:

Nhân viên	Chức vụ	Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số	Ngày cấp
Phạm Gia Tuấn	Tổng Giám đốc	000365/QLQ	13/07/2009
Cung Trần Việt	Giám đốc Phân tích	000537/QLQ	29/01/2010
Nguyễn Xuân Giao	Giám đốc Đầu tư	000907/QLQ	06/11/2013
Nguyễn Đông Hải	Giám đốc Đầu tư	000980/QLQ	04/07/2013
Phạm Việt Lan Anh	Trưởng phòng Đầu tư	000977/QLQ	04/07/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được soạn lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ, Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư

(a) Phân loại

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

Dự phòng được lập cho các các khoản đầu tư chứng khoán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX") và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh ("HOSE") là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom"), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.7 Vốn

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty thì khoản tiền bỏ ra để mua sẽ được trừ vào vốn chủ sở hữu dưới hình thức vốn cổ phiếu quỹ cho đến khi các cổ phiếu này được bán ra hoặc phát hành lại hoặc điều chỉnh giảm vốn. Khoản tiền nhận được do bán ra hoặc phát hành lại sẽ được ghi vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành/mua lại cổ phiếu cao hơn/(thấp hơn) mệnh giá được ghi nhận là thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần.

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt và Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt ("các Quỹ"). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ vào ngày cuối tháng.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác

Lãi/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.9 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.10 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.11 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC không được thể hiện trên các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 TIỀN

	30.6.2014	31.12.2013
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	69.858.260	39.985.010
Tiền gửi ngân hàng	1.675.590.545	3.042.954.390
	<u>1.745.448.805</u>	<u>3.082.939.400</u>

5.2 CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

(i) Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2014		Tại ngày 31.12.2013	
	Số lượng	Nguyên giá VNĐ	Số lượng	Nguyên giá VNĐ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty Cổ phần Sữa Việt nam ('VNM')		-	70.000	9.870.944.240
Công ty Cổ phần Thiết Bị Y tế Việt Nhật ('JVC')	600.000	8.915.061.544	1	15.870
Công ty Cổ phần PT Đầu Tư Công Nghệ FPT ('FPT')	195.000	9.677.093.987	120.000	5.786.683.020
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ('TCM')	-	-	30.000	618.426.250
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí ('PXS')	-	-	50.000	742.581.200
Tổng Công ty Khí Việt Nam ('GAS')	-	-	90.000	6.055.069.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh ('BMI')	117.860	1.807.474.011	-	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao ('LAS')	90.000	3.612.646.829	-	-
		<u>24.012.276.371</u>		<u>23.073.719.580</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần E-Study School	345.100	6.000.000.000	345.100	6.000.000.000
Đầu tư chứng chỉ quỹ mở				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (*)	4.776.119,40	48.000.000.000	-	-
		<u>78.012.276.371</u>		<u>29.073.719.580</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) là quỹ mở được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký lập Quỹ Đại chúng số 11/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014. Vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty nắm giữ 88% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ.

Trong kỳ, biến động của nguyên giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Mua trong kỳ VNĐ	Bán trong kỳ VNĐ	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	23.073.719.580	65.303.162.982	(64.364.606.191)	24.012.276.371
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Chứng chỉ quỹ mở	-	48.000.000.000	-	48.000.000.000
	<u>29.073.719.580</u>	<u>113.303.162.982</u>	<u>(64.364.606.191)</u>	<u>78.012.276.371</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2014		Tại ngày 31.12.2013	
	Số lượng	Dự phòng VNĐ	Số lượng	Dự phòng VNĐ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty Cổ phần Sữa Việt nam ('VNM')	-	-	70.000	(420.944.240)
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công ('TCM')	-	-	30.000	(426.250)
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí ('PXS')	-	-	50.000	(7.581.200)
Tổng Công ty Khí Việt Nam ('GAS')	-	-	90.000	(70.069.000)
Công ty Cổ phần Thiết Bị Y tế Việt Nhật ('JVC')	600.000	(35.061.543)	-	-
Công ty Cổ phần PT Đầu Tư Công Nghệ FPT ('FPT')	195.000	(590.093.978)	120.000	(134.683.020)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh ('BMI')	117.860	(204.578.009)	-	-
Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao ('LAS')	90.000	(498.646.904)	-	-
		(1.328.380.434)		(633.703.710)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết				
Công ty Cổ phần E-Study School	345.100	(4.234.656.767)	345.100	(3.940.524.640)
		(5.563.037.201)		(4.574.228.350)

Trong kỳ, biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Dự phòng trong kỳ VNĐ	Hoàn nhập trong kỳ VNĐ	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	633.703.710	1.150.628.421	(455.951.697)	1.328.380.434
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	3.940.524.640	294.132.127	-	4.234.656.767
	4.574.228.350	1.444.760.548	(455.951.697)	5.563.037.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 30.6.2014			Tại ngày 31.12.2013		
	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VNĐ	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VNĐ
Đầu tư cổ phiếu						
Công ty CP Gemadep Vũng Tàu	10%	960.000	9.600.000.000	10%	960.000	9.600.000.000
Công ty CP Dược Phẩm Năm Tốt	3%	52.000	520.000.000	3%	52.000	520.000.000
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	-	-	-	5%	1.890.000	18.000.000.000
		<u>1.012.000</u>	<u>10.120.000.000</u>		<u>2.902.000</u>	<u>28.120.000.000</u>
Đầu tư chứng chỉ quỹ						
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	1%	35.56	3.624.480.000	1%	60.00	6.292.500.000
			<u>13.744.480.000</u>			<u>34.412.500.000</u>

Trong kỳ, biến động nguyên giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Nguyên giá 1.1.2014 VNĐ	Mua trong kỳ VNĐ	Bán trong kỳ VNĐ	Nguyên giá 30.6.2014 VNĐ
Đầu tư cổ phiếu	28.120.000.000	-	(18.000.000.000)	10.120.000.000
Đầu tư chứng chỉ quỹ	6.292.500.000	-	(2.668.020.000)	3.624.480.000
	<u>34.412.500.000</u>	<u>-</u>	<u>(20.668.020.000)</u>	<u>13.744.480.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Tại ngày 30.6.2014		Tại ngày 31.12.2013	
	Số lượng	Dự phòng VNĐ	Số lượng	Dự phòng VNĐ
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty CP Dược Phẩm Năm Tốt	52.000	(265.898.360)	52.000	(195.975.520)
	<u>52.000</u>	<u>(265.898.360)</u>	<u>52.000</u>	<u>(195.975.520)</u>
Trong kỳ, biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:				
	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Dự phòng trong kỳ VNĐ	Hoàn nhập trong kỳ VNĐ	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ
Đầu tư cổ phiếu	195.975.520	69.922.840	-	265.898.360
	<u>195.975.520</u>	<u>69.922.840</u>	<u>-</u>	<u>265.898.360</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30.6.2014	31.12.2013
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết (*)	54.900.000.000	36.500.000.000
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết (**)	1.429.742.168	1.306.297.610
	<u>56.329.742.168</u>	<u>37.806.297.610</u>

(*) Đây là khoản phải thu từ bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông Quốc tế Canada và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Các khoản này sẽ được thanh toán trong năm 2014.

(**) Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các chứng khoán được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	30.6.2014	31.12.2013
	VNĐ	VNĐ
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(b))	217.509.228	996.260.757
Phải thu phí thưởng hoạt động (Thuyết minh 7(b))	-	7.130.303.218
Phải thu phí phát hành (Thuyết minh 7(b))	271.570.448	-
	<u>489.079.676</u>	<u>8.126.563.975</u>

5.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2014	31.12.2013
	VNĐ	VNĐ
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	300.000.000	56.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	15.500.000	324.527.780
Phải thu người lao động (*)	3.151.911.501	29.670.340
Phải thu khác	645.092.623	45.584.315
	<u>4.112.504.124</u>	<u>455.782.435</u>

(*) Bao gồm trong khoản này là các khoản tạm ứng 3.116.450.500 đồng cho một số thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc (Thuyết minh 7(b)).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản đặt cọc thuê văn phòng, các tài sản phân loại lại từ tài sản cố định theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 4 năm 2013 ("Thông tư 45/2013").

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	1.588.298.210	1.588.298.210
Mua trong kỳ	1.678.448.281	66.422.000	1.744.870.281
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>1.678.448.281</u>	<u>1.654.720.210</u>	<u>3.333.168.491</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	(1.543.244.090)	(1.543.244.090)
Khấu hao trong kỳ	(55.912.276)	(21.711.778)	(77.624.054)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>(55.912.276)</u>	<u>(1.564.955.868)</u>	<u>(1.620.868.144)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	45.054.120	45.054.120
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>1.622.536.005</u>	<u>89.764.342</u>	<u>1.712.300.347</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.480.168.214 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.480.168.214 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và và tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	768.209.540
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	(499.373.930)
Khấu hao trong kỳ	(44.501.669)
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	(543.875.599)
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	268.835.610
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	224.333.941
	<hr/> <hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 436.029.542 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 436.029.542 đồng).

5.9 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Phát sinh VNĐ	Chi trả VNĐ	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.741.300	20.000.000	(22.741.300)	-
Thuế thu nhập cá nhân	431.637.010	1.406.099.157	(1.707.936.305)	129.799.862
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư	-	50.990.000	(50.990.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thuyết minh 5.20)	2.625.386.152	162.895.986	(3.472.331.000)	(684.048.862)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	3.059.764.462	1.639.985.143	(5.253.998.605)	(554.249.000)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm trích trước cho các chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp.

5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số dư đầu kỳ	205.767.140
Chi trả trong kỳ	(114.827.712)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	90.939.428
	<hr/> <hr/>

5.13 QUỸ DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được trích lập dựa trên tổng tài sản mà Công ty đang quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.6.2014	31.12.2013
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	<u>13.000.000</u>	<u>15.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	<u>13.000.000</u>	<u>15.000.000</u>

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	15.000.000	150.000.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ và giảm vốn điều lệ (*)	<u>(2.000.000)</u>	<u>(20.000.000.000)</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>13.000.000</u>	<u>130.000.000.000</u>

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 10 tháng 3 năm 2014 Công ty được phép mua lại 13,3% số cổ phiếu đang lưu hành và sau đó thực hiện giảm vốn. Theo đó, Công ty đã giảm vốn điều lệ theo giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

5.15 DOANH THU

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(a)(i))	1.438.938.518	5.422.424.890
Doanh thu từ phí phát hành (Thuyết minh 7(a)(i))	<u>271.570.448</u>	<u>-</u>
	<u>1.710.508.966</u>	<u>5.422.424.890</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và phát hành chứng chỉ quỹ mở.

Chi tiết chi phí hoạt động kinh doanh như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.632.424.520	3.063.758.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.986.249	213.203.200
Chi phí thuê văn phòng và bảo hiểm	340.599.660	432.207.470
Các chi phí khác	354.667.673	472.673.900
	<u>3.384.678.102</u>	<u>4.181.843.430</u>

5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	7.848.444.020	3.713.396.420
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.527.860.000	1.986.000.000
Lãi tiền gửi	1.041.493.952	2.232.353.050
	<u>12.417.797.972</u>	<u>7.931.749.470</u>

5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	634.464.980	287.321.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	986.680
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.058.731.691	505.811.720
Chi phí tài chính khác	-	13.698.120
	<u>1.693.196.671</u>	<u>807.818.190</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014	30.6.2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	3.856.268.913	2.106.301.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.139.474	142.010.430
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	406.020.163	291.733.160
Chi phí kiểm toán và tư vấn	155.615.879	160.500.000
Chi phí khác	804.111.483	612.068.036
	<u>5.287.155.912</u>	<u>3.312.612.826</u>

5.20 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014	30.6.2013
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.247.072.513	5.146.041.614
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20% (*)	849.414.503	1.029.208.324
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(705.572.000)	(397.200.000)
Lãi do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	197.336
Chi phí không được khấu trừ	19.053.483	393.898.060
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>162.895.986</u>	<u>1.026.103.720</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

5.20 THUẾ (tiếp theo)

(*) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2015 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 25%.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác).

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho ban điều hành và Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền và tương đương tiền nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả như sau:

**Dưới 1 năm
VNĐ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Chi phí phải trả

373.726.259

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi phí phải trả

374.081.050

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (31.12.2013: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 11.546.197.444 đồng (31.12.2013: 9.734.793.504 đồng) tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính giữa niên độ được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ	30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
Tài sản tài chính				
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
- Cổ phiếu niêm yết	22.683.895.937	22.440.015.870	22.683.895.937	22.440.018.300
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.765.343.233	2.059.475.360	Không xác định	Không xác định
- Chứng chỉ quỹ mở	48.000.000.000	-	48.498.856.608	-
Đầu tư tài chính dài hạn				
- Đầu tư dài hạn khác	13.478.581.640	34.216.524.480	Không xác định	Không xác định
Các khoản phải thu	60.931.325.968	46.828.644.020	60.931.325.968	46.828.644.020
Tiền và tương đương tiền	8.745.448.805	75.082.939.400	8.745.448.805	75.082.939.400
<hr/>				
Nợ tài chính phải trả				
Chi phí phải trả	373.726.259	374.081.050	373.726.259	374.081.050
<hr/>				

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có liên quan đến các bên như sau:

Các bên liên quan

Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y tế Bản Việt
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
 Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt
 Công ty Cổ phần PI Capital
 (trước đây là Công ty THHH Tư vấn V.C.A.M)
 Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Quan hệ

Quỹ do công ty quản lý
 Quỹ do công ty quản lý
 Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
 Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
 Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
 Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.15)		
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	1.375.597.713	5.422.424.890
Phí quản lý và phí phát hành từ Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	334.911.253	-
	<u>1.710.508.966</u>	<u>5.422.424.890</u>
ii) Mua dịch vụ		
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	203.487.009	188.003.811
	<u>203.487.009</u>	<u>188.003.811</u>
iii) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.280.000.000	1.530.000.000
	<u>2.280.000.000</u>	<u>1.530.000.000</u>
iv) Doanh thu hoạt động tài chính		
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	1.032.505.161	2.232.353.050
	<u>1.032.505.161</u>	<u>2.232.353.050</u>

Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh sáu tháng đầu năm 2014 của Công ty vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt là 251.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	Tại ngày 30.6.2014		Tại ngày 31.12.2013	
	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ	Số lượng %	Nguyên giá VNĐ
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (bằng cổ phiếu)	-	-	1.890.000	18.000.000.000
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	35.46	3.624.480.000	60.00	6.292.500.000
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	4.776.119.40	48.000.000.000	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.5)		
Phí quản lý phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	154.168.423	996.260.757
Phí quản lý và phí phát hành phải thu từ Quỹ Cân bằng Bản Việt	334.911.253	-
Phí thưởng hoạt động phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	7.130.303.218
	<u>489.079.676</u>	<u>8.126.563.975</u>
Các số dư khác với các bên liên quan		
Tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	7.000.000.000	72.000.000.000
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	15.500.000	324.527.780
Tạm ứng cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc (Thuyết minh 5.6)	3.116.450.500	-
	<u>10.131.950.500</u>	<u>72.324.527.780</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

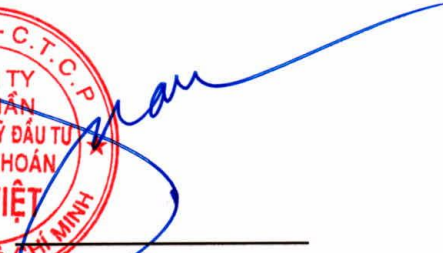
Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2014	31.12.2013
	VNĐ	VNĐ
Dưới 1 năm	1.724.181.480	-
Từ 1 đến 5 năm	3.100.607.190	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.824.788.670	-

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Tổng Giám đốc duyệt để phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2014.



Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc